

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 161
Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
Địa chỉ cơ sở 1: Số 533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại : 02216 255 666 E- Mail : quantracmthy@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC
Số: 0444.26/KQQT

Địa điểm quan trắc: Công ty cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối
Địa chỉ: KCN dệt may Phố Nối, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu: Nước thải
Ngày quan trắc: 10/3/2026
Thời gian thử nghiệm: 10/3/2026 – 25/3/2026
Đại diện tổ quan trắc hiện trường: Man Đình Hữu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp sử dụng	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY C _{max}
				M.100326.05/ NT07	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2023	29,1	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	8,05	6 – 9
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	16,2	34,425
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	27,6 (LOQ = 30)	51,6375
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9,79	20,655
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,163	4,05
7	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	8,49	16,2
8	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL = 0,03)	3,24
9	Clorua(Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	338	405
10	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,2)	0,81
11	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F-. B&D:2023	0,458	4,05
12	Xianua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL = 0,002)	0,0567
13	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL = 0,002)	0,081
14	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 1,2)	4,05
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,162
16	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	32,2	50
17	Sắt(Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,218	0,81
18	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL = 0,03)	0,405
19	Crom VI(Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,0405
20	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,162

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 7 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "*": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HUNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 161
Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
Địa chỉ cơ sở 1: Số 533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại : 02216 255 666 E- Mail : quantracmthy@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC
Số: 0444.26/KQQT

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp sử dụng	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY C _{max}
				M.100326.05/ NT07	
21	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL = 0,03)	1,62
22	Kẽm(Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL = 0,03)	2,43
23	Niken(Ni)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,035 (LOQ = 0,09)	0,162
24	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B - 2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0405
25	Cadimi(Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0021	0,0405
26	Chì(Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,022	0,081
27	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877 - 2008	KPH (MDL = 0,0005)	0,00405
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α **	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β **	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,04)	1
30	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.100	3.000

Ghi chú:

- M.100326.05/NT07: Mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải ra nguồn tiếp nhận sau HTXL nước thải 12.000m³/ngày đêm. Tọa độ 2315148,6838; 558534,1178.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCĐP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ; với K_q = 0,9; K_{ny} = 0,85 và K_f = 0,9
- Căn cứ theo Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Hưng Yên.
- Thông số Asen(As), Thủy ngân (Hg) được thực hiện bởi cơ sở 2 địa chỉ tại đường số 20, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (VIMCERTS 016).
- Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ - Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTS 288).

NGƯỜI TỔNG HỢP

Ngô Thị Minh Liên

PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỘC CHẤT
Phó Trưởng phòng phụ trách

Nguyễn Hữu Chức

Hung Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Ba

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
3. Sau 7 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.